

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1250/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thi tuyển công chức
Tổng cục Thuế năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 161/2018/NĐCP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 14/5/2014 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2709/QĐ-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức năm 2020 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BTC ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCCB. (10b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đã ký

Trần Xuân Hà

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI TUYỂN CÔNG CHỨC

TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020

*(Kèm theo Quyết định số 1250/QĐ-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2020
của Bộ Tài chính)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Căn cứ Luật Cán bộ công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Quyết định số 2709/QĐ-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao biên chế công chức năm 2020 cho các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2020 của Cơ quan Tổng cục Thuế và các Cục Thuế,

II. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Nhu cầu tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020 đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và các Cục Thuế là **4.271** chỉ tiêu, trong đó:

- Ngạch Chuyên viên: **515** chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên thuế: **3.285** chỉ tiêu.
- Ngạch Chuyên viên làm công nghệ thông tin: **158** chỉ tiêu.

- Ngạch Văn thư: **141** chỉ tiêu.
- Ngạch Cán sự: **23** chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế: **40** chỉ tiêu.
- Ngạch Cán sự làm công nghệ thông tin: **06** chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư trung cấp: **103** chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Phụ lục đính kèm)

III. ĐIỀU KIỆN CHUNG ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC:

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Tuổi đời đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;
- g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

IV. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VỀ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

1. Đối với thí sinh dự thi vào Cơ quan Tổng cục Thuế:

1.1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Chuyên viên:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân loại khá trở lên thuộc các chuyên ngành: Thuế, Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quản lý Tài chính công, Ngân hàng, Hệ thống thông tin kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý, Luật (không bao gồm chuyên ngành Luật hình sự), các chuyên ngành kinh tế khác.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ

tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020).

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học văn phòng, chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

1.2. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch chuyên viên làm công nghệ thông tin:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) loại khá trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo sau: Khoa học máy tính, Hệ thống máy tính, Hệ thống thông tin, Truyền thông máy tính, Công nghệ phần mềm, Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông, Kỹ thuật điện tử và viễn thông, Mạng máy tính và truyền thông, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Tin học, Kỹ thuật phần mềm, Toán Tin, Toán - tin ứng dụng, Điện tử viễn thông.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020).

1.3. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) loại khá trở lên thuộc các chuyên ngành: Lưu trữ học và quản trị văn phòng, Hành chính học, Hành chính văn thư và Văn thư - Lưu trữ.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020).

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học Văn phòng, chứng chỉ tin học ứng

dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

2. Đối với thí sinh dự thi vào các Cục Thuế:

2.1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Chuyên viên, Kiểm tra viên thuế:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành: Thuế, Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý Tài chính công, Ngân hàng, Hệ thống thông tin kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý, Luật Kinh tế, các chuyên ngành kinh tế khác.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học văn phòng, chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

2.2. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch chuyên viên làm công nghệ thông tin:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) thuộc các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống máy tính, Hệ thống thông tin, Truyền thông máy tính, Công nghệ phần mềm, Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông, Kỹ thuật điện tử và viễn thông, Mạng máy tính và truyền thông, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Tin học, Kỹ thuật phần mềm, Toán Tin, Toán - tin ứng dụng, Điện tử viễn thông, Sư phạm tin học;

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT ngày 26/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực

(ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

2.3. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học (cử nhân) trở lên thuộc các chuyên ngành: Lưu trữ học và quản trị văn phòng, Hành chính học, Hành chính văn thư, Văn thư - Lưu trữ.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, hoặc chứng chỉ tin học văn phòng, chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

2.4. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Cán sự, Kiểm tra viên trung cấp thuế:

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành: Thuế, Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý Tài chính công, Hệ thống thông tin kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý, Luật Kinh tế, các chuyên ngành kinh tế khác;

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học văn phòng, chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

2.5. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch cán sự làm công nghệ thông tin:

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống máy tính, Hệ thống thông tin, Truyền thông máy tính, Công nghệ phần mềm, Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông, Kỹ thuật điện tử và viễn thông, Mạng máy tính và truyền thông, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Tin học, Kỹ thuật phần mềm, Toán Tin, Toán - tin ứng dụng, Điện tử viễn thông, Sư phạm tin học;

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

2.6. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch văn thư trung cấp:

a) Có bằng tốt nghiệp Trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành: Lưu trữ học và quản trị văn phòng, Hành chính học, Hành chính văn thư, Văn thư – Lưu trữ.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức) cấp trước ngày Thông tư số 20/2014/TT-BGDĐT ngày 26/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực (ngày 15/01/2020), hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức tuyển dụng làm việc ở vùng dân tộc thiểu số.

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, hoặc chứng chỉ tin học văn phòng, chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A trở lên được cấp trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-

BGDĐT- BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực (ngày 10/8/2016).

V. HỒ SƠ TUYỂN DỤNG, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG.

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức:

Những người có đủ các điều kiện nếu tham gia dự tuyển phải nộp hồ sơ dự tuyển công chức trực tiếp cho đơn vị tuyển dụng thuộc Tổng cục Thuế. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại 01 đơn vị, cụ thể mỗi bộ Hồ sơ gồm các thành phần tài liệu sau:

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu. Tại Phiếu đăng ký dự tuyển, người dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn ghi trong phiếu, có thể viết tay hoặc đánh máy nhưng phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký; phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật, trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và người dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(2) Bản chụp văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp): bản photo, không yêu cầu chứng thực, công chứng, sao y.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học, sau Đại học ở nước ngoài: khi nộp hồ sơ dự tuyển cần nộp bản photo văn bằng và bảng kết quả học tập (tất cả kèm bản dịch sang tiếng Việt).

- Đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học, sau Đại học tại các cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, khi nộp hồ sơ dự tuyển cần nộp bản photo văn bằng và bảng điểm học tập (tất cả kèm bản dịch sang Tiếng Việt) và bản xác nhận của cơ sở đào tạo đã đào tạo bằng tiếng nước ngoài (trừ trường hợp trên bảng điểm do cơ sở đào tạo cung cấp đã ghi rõ là đào tạo bằng tiếng nước ngoài).

(3) Đối với thí sinh được miễn thi ngoại ngữ:

Bản chụp (bản photo) bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển tốt nghiệp Đại học, sau Đại học ở nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp Đại học, sau Đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, đã nộp hồ sơ theo quy định tại điểm (2) Mục 1 Phần V nêu trên.

- Bản chụp (bản photo) bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp Đại học, sau Đại học về ngoại ngữ,

- Bản chụp (bản photo) chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

(4) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ theo quy định tại mục 3 Phần V dưới đây về Ưu tiên trong tuyển dụng.

(5) Ba phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận (thí sinh hoặc thân nhân); 02 ảnh (cỡ 4cm x 6cm) chụp trong thời gian gần nhất, từ 03

tháng tính đến thời điểm thông báo. Sau ảnh, người dự tuyển ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh.

Lưu ý:

* Người dự tuyển phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đăng h dự tuyển. Sau khi có kết quả thi, nếu trúng tuyển thí sinh phải nộp đầy đủ văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ theo quy định.

* Người dự tuyển không phải nộp các loại chứng chỉ như chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học văn phòng. Giấy khám sức khỏe, Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh khi nộp hồ sơ dự tuyển.

* Các chứng chỉ ngoại ngữ thay thế chứng chỉ quy định.

Thí sinh đăng ký tuyển dụng công chức được sử dụng một trong các chứng chỉ sau thay thế chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh (không nhận những trường hợp là giấy xác nhận đã học xong chương trình, chứng chỉ môn học của trường chỉ ghi số tiết học, bảng điểm chứng chỉ để thay thế chứng chỉ ngoại ngữ).

- Thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch chuyên viên và tương đương có thể nộp một trong các chứng chỉ sau thay thế chứng chỉ tiếng Anh B:

- + TOEFL 400 trở lên (PBT), 97 trở lên (CBT), 42 trở lên (TBT);
- + IELTS 3.0 trở lên;
- + TOEIC 150 trở lên;
- + Chứng chỉ Tiếng Anh A2 khung Châu Âu trở lên.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch cán sự và tương đương có thể nộp một trong các chứng chỉ sau thay thế chứng chỉ tiếng Anh A:

- + TOEFL 347 trở lên (PBT), 95 trở lên (CBT), 40 trở lên (TBT);
- + IELTS 2.0 trở lên;
- + TOEIC 120 trở lên;
- + Chứng chỉ Tiếng Anh A1 khung Châu Âu trở lên.

- Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn thi chứng chỉ phải còn giá trị tới thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

2. Hồ sơ trúng tuyển:

Trong trường hợp trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/1/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực

hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, khi trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Quyết định số 21/VBHN-BGDĐT ngày 16/6/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp. Trường hợp không có bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ không được tuyển dụng.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức:

Ưu tiên trong tuyển dụng công chức được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Hồ sơ xác định ưu tiên trong tuyển dụng:

(1) Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động, nộp bản sao (không cần chứng thực) các giấy tờ sau:

+ Bản sao “Anh hùng Lực lượng vũ trang”; “Anh hùng Lao động”; “Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); “Quyết định được hưởng chính sách là thương binh”; “Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học”;

+ Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi của Phòng Lao động thương binh và xã hội cấp huyện trở lên xác nhận.

(2) Đối với Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: nộp Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân, trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ...

(3) Đối với người dân tộc thiểu số: nộp Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân

của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc).

Lưu ý: Hồ sơ tu tiên nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

4. Lệ phí đăng ký dự tuyển:

- Người đủ điều kiện đăng ký dự tuyển nộp lệ phí dự tuyển là 300.000đ/người.

Trường hợp không đủ điều dự tuyển hoặc thí sinh đăng ký nhưng không tham gia thi tuyển, Tổng cục Thuế không hoàn trả lại hồ sơ đăng ký dự tuyển và lệ phí dự tuyển.

VI. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC:

1. Thí sinh tham gia thi tuyển vào công chức vào ngạch chuyên viên và tương đương; Cán sự và tương đương được thực hiện theo hai vòng thi:

1.1. Vòng 1:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy tính

- Nội dung thi và thời gian thi: gồm 2 phần

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi là 60 phút.

Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi (Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trình độ bậc 2 đối với ngạch Chuyên viên và tương đương, trình độ bậc 1 đối với ngạch Cán sự và tương đương). Thời gian thi là 30 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

1.2. Vòng 2:

- Hình thức thi: Thi viết

- Thời gian thi: 180 phút

- Nội dung thi:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngạch chuyên viên và kiểm tra viên thuế làm chuyên môn, nghiệp vụ; Cán sự và kiểm tra viên trung cấp thuế: Kiến

thức về thuế (Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân) và Luật Quản lý thuế.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch chuyên viên làm công nghệ thông tin: Kiến thức về công nghệ thông tin kỹ thuật máy tính; khoa học máy tính; kỹ thuật phần mềm - mạng máy tính và truyền thông); Kiến thức về hệ điều hành Window; Kiến thức về quản trị Cơ sở dữ liệu; Sử dụng các ứng dụng của Office 2010 (chủ yếu là Microsoft Excel và Microsoft Word).

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Cán sự làm Công nghệ thông tin: Kiến thức về hệ điều hành Window; Kiến thức về quản trị Cơ sở dữ liệu; Sử dụng các ứng dụng của Office 2010 (chủ yếu là Microsoft Excel và Microsoft Word).

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch văn thư, ngạch văn thư trung cấp: Kiến thức về lưu trữ học và quản trị văn phòng; về hành chính văn thư, về văn thư - lưu trữ.

2. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ:

Người dự thi được miễn thi môn ngoại ngữ (vòng 1) nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.
- Người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

3. Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020:

Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng

Căn cứ Kế hoạch thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020 (Cơ quan Tổng cục Thuế và các Cục Thuế), Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế thành lập Hội đồng thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng và các thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/01/2018 của Chính phủ, Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 14/5/2019.

Giúp Hội đồng tuyển dụng có Tổ Thư ký giúp việc do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập.

Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu của Tổng cục Thuế trong quá trình hoạt động và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thông báo thi tuyển:

Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định:

- Kế hoạch tuyển dụng;
- Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia dự tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020 đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng công chức (trên trang Web Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng);
- Thông báo địa điểm và thời gian tổ chức thi tuyển (trên trang Web Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng);
- Thí sinh có trách nhiệm theo dõi về danh sách đủ điều kiện dự tuyển công chức và thời gian địa điểm tổ chức tuyển dụng, kết quả thi tuyển dụng trên trang Web Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng.

3. Tổ chức thi tuyển:

Tổ chức thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020 theo 03 khu vực như sau:

- Khu vực cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Thuế thành phố Hà Nội và Miền bắc;
- Khu vực miền Trung và Tây nguyên;
- Khu vực miền Nam và TP. HCM.

Tổng cục Thuế thông báo tuyển dụng công chức và tổ chức nhận hồ sơ dự tuyển công chức đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và các Cục Thuế có chỉ tiêu tuyển dụng công chức. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng tổ chức thi theo từng khu vực, từng đợt thi, tổ chức xong khu vực này sẽ tổ chức khu vực tiếp theo, đảm bảo nhanh gọn, đúng quy định.

4. Thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển:

- Thời gian tổ chức: Trong Quý III, IV năm 2020;
- Địa điểm thi: Địa điểm cụ thể đối với từng khu vực do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định.

Để đảm bảo thời gian tổ chức thi tuyển dụng công chức từ khi bắt đầu thông báo tuyển dụng đến khi có kết quả chính thức hoàn thành trong năm 2020, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức lựa chọn các trường đại học có uy tín để hợp đồng tổ chức thi và chấm thi.

Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2020.

5. Phê duyệt kết quả thi tuyển dụng và báo cáo:

Căn cứ Kế hoạch thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2020 được phê duyệt, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế thực hiện:

- Tổ chức triển khai Kế hoạch tuyển dụng công chức theo quy định.
- Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức theo quy định.

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG

Thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Ngoài ra, được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của Cục Thuế (nếu lệ phí do thí sinh đóng góp không đủ để trang trải cho kỳ tuyển dụng)/.

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 1250/QĐ-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính)

STT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Trong đó								Ghi chú
			Chuyên viên	Cán sự	Kiểm tra viên thuế	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Cán sự làm CNTT	Văn thư	Văn thư trung cấp	
A	B	1=2+3+4+5+6+7+8+9	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	KHU VỰC CƠ QUAN TỔNG CỤC THUẾ, CỤC THUẾ HÀ NỘI VÀ MIỀN BẮC	2.008	278	2	1.513	25	79	0	58	53	
1	CƠ QUAN TỔNG CỤC THUẾ	113	106	0	0	0	3	0	4	0	
2	HÀ NỘI	510	0	0	450	15	15	0	15	15	
3	HẢI PHÒNG	127	0	0	120	0	5	0	2	0	
4	QUẢNG NINH	79	0	0	71	0	0	0	0	8	
5	VĨNH PHÚC	39	14	0	25	0	0	0	0	0	
6	HẢI DƯƠNG	86	0	0	86	0	0	0	0	0	
7	HƯNG YÊN	82	8	0	66	0	0	0	8	0	
8	BẮC NINH	39	39	0	0	0	0	0	0	0	
9	HÀ NAM	39	0	0	39	0	0	0	0	0	
10	NAM ĐỊNH	76	9	0	67	0	0	0	0	0	
11	NINH BÌNH	57	0	0	51	0	6	0	0	0	
12	THÁI BÌNH	98	0	0	91	0	2	0	5	0	
13	THÁI NGUYÊN	51	0	0	48	0	0	0	3	0	
14	PHÚ THỌ	88	5	0	65	0	14	0	2	2	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyên dụng	Trong đó								Ghi chú
			Chuyên viên	Cán sự	Kiểm tra viên thuế	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Cán sự làm CNTT	Văn thư	Văn thư trung cấp	
A	B	1=2+3+4+5+6 +7+8+9	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	BẮC GIANG	47	3	0	39	3	1	0	1	0	
16	HÒA BÌNH	48	18	0	17	0	7	0	0	6	
17	HÀ GIANG	33	3	2	26	0	0	0	2	0	
18	TUYÊN QUANG	47	11	0	26	2	4	0	2	2	
19	CAO BẰNG	56	15	0	27	0	4	0	10	0	
20	LẠNG SƠN	73	18	0	38	0	7	0	0	10	
21	LÀO CAI	63	12	0	34	5	3	0	3	6	
22	YÊN BÁI	31	7	0	20	0	2	0	0	2	
23	BẮC KẠN	43	0	0	43	0	0	0	0	0	
24	ĐIỆN BIÊN	27	2	0	19	0	6	0	0	0	
25	LAI CHÂU	28	8	0	19	0	0	0	1	0	
26	SƠN LA	28	0	0	26	0	0	0	0	2	
II	KHU VỰC MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN	946	116	1	724	3	31	0	48	23	
27	THANH HOÁ	68	11	0	49	0	4	0	4	0	
28	NGHỆ AN	121	27	0	91	0	0	0	0	3	
29	HÀ TĨNH	36	10	0	25	0	1	0	0	0	
30	QUẢNG BÌNH	25	0	0	23	0	1	0	1	0	
31	QUẢNG TRỊ	39	2	0	23	0	4	0	6	4	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Trong đó								Ghi chú
			Chuyên viên	Cán sự	Kiểm tra viên thuế	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Cán sự làm CNTT	Văn thư	Văn thư trung cấp	
A	B	1=2+3+4+5+6 +7+8+9	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32	THỪA THIÊN-HUẾ	73	13	1	50	3	3	0	0	3	
33	ĐÀ NẴNG	72	3	0	67	0	0	0	0	2	
34	KHÁNH HOÀ	72	0	0	72	0	0	0	0	0	
35	QUẢNG NAM	117	27	0	64	0	4	0	16	6	
36	QUẢNG NGÃI	94	4	0	68	0	6	0	16	0	
37	BÌNH ĐỊNH	28	0	0	25	0	1	0	2	0	
38	PHÚ YÊN	19	0	0	17	0	0	0	2	0	
39	NINH THUẬN	37	0	0	29	0	5	0	0	3	
40	ĐẮK LẮK	21	6	0	15	0	0	0	0	0	
41	ĐẮK NÔNG	26	2	0	22	0	0	0	0	2	
42	GIA LAI	23	5	0	16	0	2	0	0	0	
43	KON TUM	28	0	0	28	0	0	0	0	0	
44	LÂM ĐỒNG	47	6	0	40	0	0	0	1	0	
III	KHU VỰC MIỀN NAM VÀ TP HỒ CHÍ MINH	1.317	121	20	1.048	12	48	6	35	27	
45	BÌNH THUẬN	64	4	0	55	0	2	0	3	0	
46	TP HỒ CHÍ MINH	256	0	0	256	0	0	0	0	0	
47	ĐỒNG NAI	39	0	12	27	0	0	0	0	0	
48	BÌNH DƯƠNG	50	0	0	50	0	0	0	0	0	

STT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Trong đó								Ghi chú
			Chuyên viên	Cán sự	Kiểm tra viên thuế	Kiểm tra viên trung cấp thuế	Chuyên viên làm CNTT	Cán sự làm CNTT	Văn thư	Văn thư trung cấp	
A	B	1=2+3+4+5+6 +7+8+9	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	44	0	0	38	0	3	0	3	0	
50	BÌNH PHƯỚC	19	0	0	12	0	0	0	3	4	
51	TÂY NINH	48	21	0	20	0	5	0	2	0	
52	LONG AN	136	13	0	110	0	9	0	0	4	
53	TIỀN GIANG	76	10	8	52	0	3	0	0	3	
54	BẾN TRE	49	0	0	44	0	2	0	3	0	
55	HẬU GIANG	80	0	0	60	5	5	5	5	0	
56	AN GIANG	94	16	0	74	0	4	0	0	0	
57	VĨNH LONG	39	4	0	26	0	4	0	4	1	
58	TRÀ VINH	27	7	0	15	0	3	1	1	0	
59	ĐỒNG THÁP	83	8	0	65	0	2	0	0	8	
60	SÓC TRĂNG	70	13	0	51	0	0	0	0	6	
61	KIÊN GIANG	22	11	0	7	0	3	0	0	1	
62	CẦN THƠ	79	8	0	55	5	3	0	8	0	
63	BẠC LIÊU	17	0	0	15	2	0	0	0	0	
64	CÀ MAU	25	6	0	16	0	0	0	3	0	
Tổng chỉ tiêu tuyển dụng		4.271	515	23	3.285	40	158	6	141	103	0